

못

không thể — do không có khả năng, không phải do lựa chọn

Đứng trước động từ giống như 안, nhưng mang nghĩa khác: không phải bạn không làm, mà là bạn không làm được. Trong tiếng Việt, chữ “không” đơn thuần dễ làm mờ sự phân biệt này (cần nói “không... được”), nên phải học một cách có chủ ý.

Cách kết hợp

Loại động từ	Dạng	Ví dụ
Động từ hành động	못 + động từ	못 가요
Danh từ + 하다	danh từ + 못 + 해요	공부 못 해요
Tính từ	dùng 안 thay thế	안 좋아요 — không phải 못 좋아요
Dạng dài hơn	-지 못하다	가지 못해요
Nghĩa tương tự	-(으)ㄹ 수 없다	갈 수 없어요
Phát âm	biến âm	못 가요 [몬까요], 못 해요 [모태요]

Khi nào dùng

못 cho biết việc gì đó bị cản trở — do hoàn cảnh, do thiếu kỹ năng, do thiếu thời gian. 어제 못 갔어요 nghĩa là bạn muốn đi mà không đi được. Thay bằng 안 thì bạn lại nói rằng mình chọn không đi, điều này có thể vô tình gây mất lòng.

Vì nói về khả năng nên 못 chỉ kết hợp với động từ hành động. Tính từ mô tả trạng thái, mà trạng thái thì không thể bị cản trở, nên không có 못 좋아요 hay 못 빠요. Với tính từ hãy dùng 안.

Nó tách động từ 하다 giống hệt như 안: 공부 못 했어요. Một điều nữa cần biết là cách phát âm — 못 가요 nghe như [몬까요] và 못 해요 nghe như [모태요], vì vậy khi nghe nói thường khó nhận ra.

Ví dụ trong câu

- 1 오늘은 시간이 없어서 못 가요.
Hôm nay tôi không có thời gian nên không đi được.
- 2 매운 음식을 못 먹어요.
Tôi không ăn cay được.
- 3 어제는 잠을 못 잤어요.
Đêm qua tôi không ngủ được.
- 4 저는 노래를 못해요.
Tôi hát không giỏi.
- 5 바빠서 연락 못 했어요.
Tôi bận nên đã không liên lạc được.
- 6 아직 한국어를 잘 못해요.
Tôi vẫn chưa nói tiếng Hàn giỏi được.

So sánh với

안

안 là lựa chọn; 못 là trở ngại. Từ chối lời mời bằng 안 갔어요 có thể nghe như bạn không muốn đến, nên khi có việc cản trở thì 못 갔어요 là cách nói lịch sự hơn.

파티에 안 갔어요. (tôi đã chọn không đi) / 파티에 못 갔어요. (tôi đã không đi được)

-지 못하다

Dạng dài hơn của cùng ý này, được ưa dùng trong văn viết và lời nói trang trọng hơn. Nghĩa hoàn toàn giống nhau.

못 갔어요. (văn nói) / 가지 못했습니다. (văn viết)

-(으)ㄹ 수 없다

Cũng mang nghĩa “không thể”, nhưng nhấn vào chính sự bất khả thi hơn là một lần thử không thành. Với quy định hoặc điều bất khả thi về mặt vật lý, đây là lựa chọn tự nhiên hơn.

여기에서 담배를 피울 수 없어요. (không được phép) / 어제 못 피웠어요. (hôm qua tôi đã không hút được)

Lưu ý

- ✗ 시간이 없어서 못 공부했어요.

○ 시간이 없어서 공부 못 했어요.

Động từ danh từ + 하다 bị tách ra quanh 못, giống hệt như với 안. 일 못 했어요 và 운동 못 했어요 cũng vậy.
- ✗ 오늘 날씨가 못 좋아요.

○ 오늘 날씨가 안 좋아요.

못 phủ định khả năng, còn tính từ mô tả trạng thái chứ không phải hành động. Tính từ luôn dùng 안.
- ✗ 아파서 학교에 안 갔어요. — với ý “tôi đã không đi được”

○ 아파서 학교에 못 갔어요.

Bị ốm là trở ngại, không phải quyết định. Dùng 안 ở đây nghe như thể bạn chỉ đơn giản là không muốn đi.